

Môn thi: Tiếng Anh

Đối tượng: Sinh viên Trường ĐHKHT, KHTN

Ngày thi: 19 tháng 3 năm 2017

STT	SBD	MÃ SỐ SV	HỌ VÀ TÊN		NGÀY SINH	Trường Khoa	CHỮ KÝ	ĐIỂM (BẢNG SỐ)	Đạt trình độ
1	100649	16050983	Hoàng Thị	Thuận	29/01/1998	KT-KD			
2	100650	16051500	Trần Thị	Thuận	09/03/1998	KT-KD			
3	100651	16050986	Đặng Thị	Thùy	19/05/1998	KT-KD			
4	100652	16050665	Nguyễn Thị	Thùy	19/11/1998	KT-QT			
5	100653	16052200	Nguyễn Thị	Thùy	07/01/1998	KT-KToán			
6	100654	16052327	Nguyễn Thị	Thùy	25/06/1998	KT-Kté			
7	100655	16050288	Vũ Thị	Thùy	02/01/1998	KT-PT			
8	100656	16100051	Doãn Như	Thùy		KHTN-16			
9	100657	16052142	Hoàng Thị Thu	Thùy	05/10/1998	KT-PT			
10	100658	16050472	Lê Thị	Thùy	28/01/1998	KT-KToán			
11	100659	16000203	Nguyễn Thị	Thùy		KHTN-16			
12	100660	16052035	Nguyễn Thị Thu	Thùy	06/02/1998	KT-KToán			
13	100661	16051891	Nguyễn Thị Thu	Thùy	20/10/1998	KT-QT			
14	100662	16051360	Nguyễn Thị Thu	Thùy	11/05/1998	KT-NH			
15	100663	16051361	Trần Thu	Thùy	20/02/1998	KT-NH			
16	100664	16052201	Trương Thị Thanh	Thùy	20/11/1998	KT-KToán			
17	100665	16052167	Vì Thị	Thùy	17/06/1997	KT-PT			
18	100666	16003212	Vương Thị Thu	Thùy		KHTN-16			
19	100667	16002591	Đỗ Thị Diệu	Thùy		KHTN-16			
20	100668	16051364	Lê Thị	Thùy	03/09/1998	KT-NH			
21	100669	16052227	Nguyễn Thị	Thùy	07/10/1998	KT-NH			
22	100670	16051504	Vũ Thanh	Thùy	19/07/1998	KT-KD			
23	100671	16052274	Nguyễn Quang	Thùy	22/01/1997	KT-QT			
24	100672	16050290	Đỗ Minh	Thư	30/09/1998	KT-PT			

Danh sách này có: sinh viên

Số dự thi:

Số bài thi:

CBCT:.....

CB chấm thi:.....

HN, ngày 20 tháng 3 năm 2017

Người ghi điểm:

TL. HIỆU TRƯỞNG
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG THI

Môn thi: Tiếng Anh

Đối tượng: Sinh viên Trường ĐHKT, KHTN

Phòng: 29 (P.502 Nhà A2)

Ngày thi: 19 tháng 3 năm 2017

STT	SBD	MÃ SỐ SV	HỌ VÀ TÊN		NGÀY SINH	Trường Khoa	CHỮ KÝ	ĐIỂM (BẢNG SỐ)	Đạt trình độ
1	100673	16052202	Phạm Thanh	Thư	29/09/1998	KT-KToán			
2	100674	16050480	Đặng Thị Hoài	Thương	26/01/1998	KT-KToán			
3	100675	16010417	Hoàng Hạ	Thương		KHTN-16			
4	100676	16050993	Quách Thị Hoài	Thương	16/02/1998	KT-KD			
5	100677	16003229	Tạ Hoài	Thương		KHTN-16			
6	100678	16050158	Trần Thị	Thương	20/05/1998	KT-Kté			
7	100679	16051794	Trương Thị Hoài	Thương	10/05/1998	KT-Kté			
8	100680	16010237	Hà Thị Thu	Trà		KHTN-16			
9	100681	16051686	Ngô Thị Thu	Trà	28/10/1998	KT-NH			
10	100682	16050482	Ngô Thu	Trà	25/08/1998	KT-KToán			
11	100683	16051696	Đặng Thị	Trang	28/11/1998	KT-NH			
12	100684	16051895	Đặng Thị Thu	Trang	14/09/1998	KT-QT			
13	100685	16052041	Đỗ Thị Huyền	Trang	25/11/1998	KT-KToán			
14	100686	16052203	Đỗ Thị Huyền	Trang	10/12/1998	KT-KToán			
15	100687	16051697	Lã Thu	Trang	25/02/1998	KT-NH			
16	100688	16051693	Lại Nguyễn Quỳnh	Trang	11/04/1998	KT-NH			
17	100689	16050669	Lê Thị Hà	Trang	18/10/1998	KT-QT			
18	100690	16051690	Nông Khánh	Trang	19/08/1998	KT-NH			
19	100691	16050671	Nguyễn Thị	Trang	15/10/1998	KT-QT			
20	100692	16051894	Nguyễn Thu	Trang	23/12/1998	KT-QT			
21	100693	16052039	Nguyễn Hà	Trang	31/07/1998	KT-KToán			
22	100694	16050160	Nguyễn Thị	Trang	13/06/1998	KT-Kté			
23	100695	16051511	Nguyễn Thị	Trang	08/04/1998	KT-KD			
24	100696	16050485	Nguyễn Thị Huyền	Trang	09/05/1998	KT-KToán			

Danh sách này có: sinh viên

Số dự thi:

Số bài thi:

CBCT:.....

CB chấm thi:..... HN, ngày 20 tháng 3 năm 2017

Người ghi điểm:

TL. HIỆU TRƯỞNG
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG THI

ĐIỂM THI SỐ 2

Môn thi: Tiếng Anh

(NHÀ A2, Tầng 5 đến 8- ĐẠI HỌC NGOẠI NGỮ)

Đối tượng: Sinh viên Trường ĐHKT, KHTN

Phòng: 30 (P.503 Nhà A2)

Ngày thi: 19 tháng 3 năm 2017

STT	SBD	MÃ SỐ SV	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	Trường Khoa	CHỮ KÝ	ĐIỂM (BẢNG SỐ)	Đạt trình độ
1	100697	16010350	Nguyễn Thị Huyền Trang		KHTN-16			
2	100698	16050670	Nguyễn Thị Thanh Trang	21/10/1998	KT-QT			
3	100699	16052237	Nguyễn Thị Thu Trang	26/07/1998	KT-KD			
4	100700	16051376	Nguyễn Thị Thu Trang	22/03/1998	KT-NH			
5	100701	16000215	Nguyễn Thị Thu Trang		KHTN-16			
6	100702	16050489	Nguyễn Thị Thùy Trang	22/08/1998	KT-KToán			
7	100703	16051899	Nguyễn Thị Thùy Trang	04/07/1998	KT-QT			
8	100704	16051700	Nguyễn Thu Trang	08/09/1998	KT-NH			
9	100705	16051516	Nguyễn Thùy Trang	02/09/1998	KT-KD			
10	100706	16002222	Phạm Thị Thu Trang		KHTN-16			
11	100707	16052275	Trần Thị Trang	17/10/1998	KT-QT			
12	100708	16052204	Trần Phương Trang	29/10/1997	KT-KToán			
13	100709	16052304	Trần Thị Trang	26/09/1998	KT-PT			
14	100710	16052329	Trần Thị Thu Trang	21/10/1998	KT-Kté			
15	100711	16001530	Trịnh Thiên Trang		KHTN-16			
16	100712	16003004	Vũ Huyền Trang		KHTN-16			
17	100713	16052046	Vũ Minh Trang	16/05/1998	KT-KToán			
18	100714	16052049	Vũ Thị Trang	17/12/1998	KT-KToán			
19	100715	16051001	Vũ Thu Trang	12/10/1998	KT-KD			
20	100716	16000218	Nguyễn Thị Mỹ Trinh		KHTN-16			
21	100717	16051802	Nguyễn Doãn Trung	25/09/1998	KT-Kté			
22	100718	16050494	Phùng Quang Trường	02/06/1998	KT-KToán			
23	100719	16051803	Trần Văn Trường	10/02/1997	KT-Kté			
24	100720	16052238	Vũ Văn Uân	12/11/1997	KT-KD			

Danh sách này có: sinh viên

Số dự thi:

Số bài thi:

CBCT:.....

CB chấm thi:.....

HN, ngày 20 tháng 3 năm 2017

Người ghi điểm:

**TL. HIỆU TRƯỞNG
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG THI**

Môn thi: Tiếng Anh

(NHÀ A2, Tầng 5 đến 8- ĐẠI HỌC NGOẠI NGỮ)

Đối tượng: Sinh viên Trường ĐHKT, KHTN

Phòng: 31 (P.504 Nhà A2)

Ngày thi: 19 tháng 3 năm 2017

STT	SBD	MÃ SỐ SV	HỌ VÀ TÊN		NGÀY SINH	Trường Khoa	CHỮ KÝ	ĐIỂM (BẢNG SỐ)	Đạt trình độ
1	100721	16051714	Đình Thị	Út	06/07/1998	KT-NH			
2	100722	16050306	Hoàng Thị	Uyên	25/01/1998	KT-PT			
3	100723	16001656	Nguyễn Thu	Uyên		KHTN-16			
4	100724	16010418	Đỗ Thúy	Vân		KHTN-16			
5	100725	16010242	Nguyễn Hồng	Vân		KHTN-16			
6	100726	16010241	Nguyễn Thanh	Vân		KHTN-16			
7	100727	16052239	Lý Quốc	Vương	21/05/1998	KT-KD			
8	100728	16052174	Hà Thị	Xuân	19/01/1997	KT-Kté			
9	100729	16000671	Hoàng Thị	Xuân		KHTN-16			
10	100730	16051717	Nguyễn Thị	Xuân	04/03/1998	KT-NH			
11	100731	16052604	Phan Triều	Xuân	24/04/1998	KT-KToán			
12	100732	16051811	Trần Ngọc	Xuân	04/11/1998	KT-Kté			
13	100733	16052307	Trần Thu	Xuân	23/10/1998	KT-PT			
14	100734	16051010	Nguyễn Thị Nhớ	Xuyến	22/03/1998	KT-KD			
15	100735	16052207	Đình Thị Hải	Yên	18/12/1998	KT-KToán			
16	100736	16050504	Hoàng Thị Ngọc	Yên	05/03/1998	KT-KToán			
17	100737	16051389	Nguyễn Thị	Yên	12/04/1998	KT-NH			
18	100738	16050174	Nguyễn Thị Hải	Yên	04/03/1998	KT-Kté			
19	100739	16051812	Nguyễn Thị Hải	Yên	18/09/1998	KT-Kté			
20	100740	16051526	Nguyễn Thị Hoàng	Yên	18/12/1998	KT-KD			
21	100741	16051814	Nguyễn Thị Ngọc	Yên	11/11/1998	KT-Kté			
22	100742	16100063	Nguyễn Thị Như	Yên		KHTN-16			
23	100743	16001659	Phạm Thị	Yên		KHTN-16			
24	100744	16051718	Trần Hải	Yên	21/03/1998	KT-NH			

Danh sách này có: sinh viên

Số dự thi:

Số bài thi:

CBCT:.....

CB chấm thi:..... HN, ngày 20 tháng 3 năm 2017

Người ghi điểm:

TL. HIỆU TRƯỞNG
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG THI

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI NGỮ

Môn thi: Tiếng Anh

Ngô Minh Thủy
DANH SÁCH & KẾT QUẢ THI
KÌ THI SÁT HẠCH TRÌNH ĐỘ TIẾNG ANH Bậc 2
ĐIỂM THI SỐ 2
(NHÀ A2, Tầng 5 đến 8- ĐẠI HỌC NGOẠI NGỮ)

Ngày thi: 19 tháng 3 năm 2017

STT	SBD	MÃ SỐ SV	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	Trường Khoa	CHỮ KÝ	ĐIỂM (BẢNG SỐ)	Đạt trình độ
1	300001	16042499	Lê Bình An	03/03/1998	NN-16-HQ			
2	300002	15044272	Nguyễn Thị An	20/05/1997	NN-15-Nh			
3	300003	16041540	Bùi Văn Anh	16/01/1998	NN-16-Nh			
4	300004	16040838	Dương Châu Anh	03/11/1998	NN-16-Ph			
5	300005	16041633	Dương Thị Minh Anh	12/07/1998	NN-16-Nh			
6	300006	16041541	Đặng Phương Anh	11/10/1998	NN-16-Nh			
7	300007	16042395	Đinh Diệu Anh	27/05/1998	NN-16-Đ			
8	300008	16041055	Hoàng Thị Lan Anh	15/11/1998	NN-16-TQ			
9	300009	16041030	Hồ Thị Kim Anh	27/10/1998	NN-16-TQ			
10	300010	16040836	Lê Hiền Anh	15/02/1998	NN-16-Ph			
11	300011	16041688	Lưu Thị Quỳnh Anh	24/03/1998	NN-16-Nh			
12	300012	16042668	Ngô Thị Vân Anh	24/03/1998	NN-16-TQ			
13	300013	16041689	Nguyễn Chí Quốc Anh	14/08/1998	NN-16-Nh			
14	300014	16041415	Nguyễn Hà Anh	10/10/1998	NN-16-Đ			
15	300015	16042786	Nguyễn Hoài Anh	19/10/1998	NN-16-TQ			
16	300016	16041973	Nguyễn Minh Anh	16/08/1998	NN-16-TQ			
17	300017	16041087	Nguyễn Ngọc Anh	01/04/1998	NN-16-TQ			
18	300018	16041174	Nguyễn Phương Thảo Anh	15/09/1998	NN-16-TQ			
19	300019	16041982	Nguyễn Quang Anh	03/09/1998	NN-16-Đ			
20	300020	16041375	Nguyễn Quang Anh	28/04/1998	NN-16-Đ			
21	300021	16041374	Nguyễn Thị Vân Anh	01/07/1998	NN-16-Đ			
22	300022	16041752	Nguyễn Thuý Anh	09/05/1998	NN-16-HQ			
23	300023	15040972	Nguyễn Văn Anh	13/11/1997	NN-15-Nh			
24	300024	16040844	Phạm Chính Anh	18/02/1998	NN-16-Ph			

Danh sách này có: sinh viên

Số dự thi:

Số bài thi:

CBCT:.....

CB chấm thi:.....

HN, ngày 20 tháng 3 năm 2017

Người ghi điểm:

**TL. HIỆU TRƯỞNG
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG THI**

**ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI NGỮ**

Môn thi: Tiếng Anh

Đối tượng: Sinh viên Trường ĐHNH

**Ngô Minh Thủy
DANH SÁCH & KẾT QUẢ THI
KÌ THI SÁT HẠCH TRÌNH ĐỘ TIẾNG ANH Bậc 2
ĐIỂM THI SỐ 2**

(NHÀ A2, Tầng 5 đến 8- ĐẠI HỌC NGOẠI NGỮ)

Phòng: 33 (P.507 Nhà A2)

Ngày thi: 19 tháng 3 năm 2017

STT	SBD	MÃ SỐ SV	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	Trường Khoa	CHỮ KÝ	ĐIỂM (BẢNG SỐ)	Đạt trình độ
1	300025	16042061	Phạm Nguyễn Tuấn Anh	28/06/1998	NN-16-Nh			
2	300026	16041634	Phạm Quỳnh Anh	06/01/1998	NN-16-Nh			
3	300027	16040834	Trần Quỳnh Anh	12/08/1998	NN-16-Ph			
4	300028	16041451	Trịnh Minh Anh	14/11/1998	NN-16-Đ			
5	300029	16042407	Trương Quang Anh	30/07/1998	NN-16-Đ			
6	300030	16041414	Vũ Hà Anh	30/08/1998	NN-16-Đ			
7	300031	16041755	Vũ Kiều Anh	21/06/1998	NN-16-HQ			
8	300032	16041750	Vũ Thị Vân Anh	02/06/1998	NN-16-HQ			
9	300033	16041760	Đình Ngọc Ánh	11/11/1998	NN-16-HQ			
10	300034	16041231	Huỳnh Thị Ngọc Ánh	04/11/1997	NN-16-TQ			
11	300035	16041759	Mai Thị Ngọc Ánh	30/04/1998	NN-16-HQ			
12	300036	16041761	Nguyễn Thị Minh Ánh	16/06/1998	NN-16-HQ			
13	300037	16041542	Nguyễn Thị Ngọc Ánh	26/11/1998	NN-16-Nh			
14	300038	16042673	Nguyễn Thị Ngọc Ánh	13/02/1998	NN-16-TQ			
15	300039	16042628	Trần Nhật Ánh	10/12/1998	NN-16-Ph			
16	300040	15041533	Hà Thiên Bảo	30/01/1997	NN-15-TQ			
17	300041	16041692	Hoàng Thị Bích	23/06/1998	NN-16-Nh			
18	300042	16041123	Lê Thanh Bình	21/12/1998	NN-16-TQ			
19	300043	16042528	Đỗ Thị Cúc	17/10/1998	NN-16-HQ			
20	300044	16042690	Nguyễn Thị Thu Cúc	24/07/1997	NN-16-TQ			
21	300045	16042505	Phạm Phương Cúc	11/01/1996	NN-16-HQ			
22	300046	16041543	Nguyễn Thị Diệu Hà Châu	07/10/1998	NN-16-Nh			
23	300047	16041762	Nguyễn Linh Chi	06/04/1998	NN-16-HQ			
24	300048	16041322	Nguyễn Thị Hà Chi	31/08/1998	NN-16-Ng			

Danh sách này có: sinh viên

Số dự thi:

Số bài thi:

CBCT:.....

CB chấm thi:..... HN, ngày 20 tháng 3 năm 2017

Người ghi điểm:

**TL. HIỆU TRƯỞNG
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG THI**

**ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI NGỮ**

Môn thi: Tiếng Anh

Đối tượng: Sinh viên Trường ĐHNH

Ngày thi: 19 tháng 3 năm 2017

**Ngô Minh Thủy
DANH SÁCH & KẾT QUẢ THI
KÌ THI SÁT HẠCH TRÌNH ĐỘ TIẾNG ANH Bậc 2
ĐIỂM THI SỐ 2**

(NHÀ A2, Tầng 5 đến 8- ĐẠI HỌC NGOẠI NGỮ)

Phòng: 34 (P.510 Nhà A2)

STT	SBD	MÃ SỐ SV	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	Trường Khoa	CHỮ KÝ	ĐIỂM (BẢNG SỐ)	Đạt trình độ
1	300049	16040850	Nguyễn Thị Linh Chi	25/05/1998	NN-16-Ph			
2	300050	16041496	Phạm Lan Chi	06/12/1997	NN-16-Nh			
3	300051	16040849	Trần Hạnh Chi	31/08/1998	NN-16-Ph			
4	300052	16041295	Trần Linh Chi	01/11/1998	NN-16-Ng			
5	300053	16042417	Vương Linh Chi	05/05/1997	NN-16-Đ			
6	300054	16042048	Từ Thị Chinh	20/03/2017	NN-16-Nh			
7	300055	16042551	Nguyễn Thị Chúc	28/06/1998	NN-16-Nh			
8	300056	16042620	Nguyễn Thị Diễm	18/03/1998	NN-16-Ph			
9	300057	16042040	Phạm Thị Diễm	01/04/1997	NN-16-Nh			
10	300058	16041545	Trần Thị Diễm	19/07/1998	NN-16-Nh			
11	300059	16042608	Nguyễn Thị Ngọc Diệp	08/02/1998	NN-16-Nh			
12	300060	16041765	Vũ Ngọc Diệp	18/03/1998	NN-16-HQ			
13	300061	16041766	Tổng Thị Dịu	08/04/1998	NN-16-HQ			
14	300062	16042714	Bùi Thị Dung	17/01/1998	NN-16-TQ			
15	300063	16041639	Nguyễn Phương Dung	22/02/1998	NN-16-Nh			
16	300064	16042661	Nguyễn Thị Phương Dung	20/04/1998	NN-16-TQ			
17	300065	16041235	Trịnh Thị Thùy Dung	22/10/1998	NN-16-TQ			
18	300066	16041768	Vũ Thị Dung	16/09/1997	NN-16-HQ			
19	300067	16041593	Dương Tiến Dũng	19/09/1998	NN-16-Nh			
20	300068	16041694	Nguyễn Lê Dũng	23/07/1998	NN-16-Nh			
21	300069	15040630	Nguyễn Văn Duy	27/05/1997	NN-15-TQ			
22	300070	16041180	Nguyễn Văn Duy	06/07/1998	NN-16-TQ			
23	300071	16042532	Bùi Thị Duyên	03/01/1998	NN-16-HQ			
24	300072	16042793	Lê Thị Mỹ Duyên	20/05/1998	NN-16-TQ			

Danh sách này có: sinh viên

Số dự thi:

Số bài thi:

CBCT:.....

CB chấm thi:..... HN, ngày 20 tháng 3 năm 2017

Người ghi điểm:

**TL. HIỆU TRƯỞNG
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG THI**

**ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI NGỮ**

**Ngô Minh Thủy
DANH SÁCH & KẾT QUẢ THI
KÌ THI SÁT HẠCH TRÌNH ĐỘ TIẾNG ANH Bậc 2
ĐIỂM THI SỐ 2**

Môn thi: Tiếng Anh

(NHÀ A2, Tầng 5 đến 8- ĐẠI HỌC NGOẠI NGỮ)

Đối tượng: Sinh viên Trường ĐHNH

Phòng: 35 (P.511 Nhà A2)

Ngày thi: 19 tháng 3 năm 2017

STT	SBD	MÃ SỐ SV	HỌ VÀ TÊN	NGÀY	Trường	CHỮ KÝ	ĐIỂM	Đạt
-----	-----	----------	-----------	------	--------	--------	------	-----

STT	SBD	MÃ SỐ SV	HỌ VÀ TÊN	SINH	Khoa	CHỨC VỤ	(BẢNG SỐ)	trình độ
1	300073	16041774	Lê Thị Thuỳ	Duyên	21/06/1998	NN-16-HQ		
2	300074	16041773	Nguyễn Thị	Duyên	26/11/1998	NN-16-HQ		
3	300075	16042579	Giáp Thị Thùy	Dương	25/09/1998	NN-16-Nh		
4	300076	16041548	Nguyễn Duy Hải	Dương	23/10/1998	NN-16-Nh		
5	300077	16042554	Nguyễn Hải	Dương	07/07/1998	NN-16-Nh		
6	300078	16041547	Nguyễn Tùng	Dương	10/09/1998	NN-16-Nh		
7	300079	16041128	Trần Thảo	Dương	09/08/1998	NN-16-TQ		
8	300080	16041908	Trần Thị Thùy	Dương	09/02/1998	NN-16-AR		
9	300081	16041499	Vũ Thị Thùy	Dương	10/11/1998	NN-16-Nh		
10	300082	16041771	Vũ Thùy	Dương	18/01/1998	NN-16-HQ		
11	300083	16041234	Trần Minh	Đạt	26/05/1998	NN-16-TQ		
12	300084	16041126	Lê Thị	Điệp	15/11/1998	NN-16-TQ		
13	300085	16041045	Đặng Quý	Đức	22/04/1998	NN-16-TQ		
14	300086	16042455	Nguyễn Như	Đức	05/04/1998	NN-16-Đ		
15	300087	16042602	Vũ Văn	Đức	22/08/1997	NN-16-Nh		
16	300088	16041680	Bùi Ngân	Giang	06/12/1998	NN-16-Nh		
17	300089	16041909	Dương Đức	Giang	26/10/1998	NN-16-AR		
18	300090	16042724	Đường Thị Huyền	Giang	24/11/1998	NN-16-TQ		
19	300091	16040864	Nguyễn La	Giang	27/12/1998	NN-16-Ph		
20	300092	16041777	Thái Hương	Giang	22/04/1998	NN-16-HQ		
21	300093	16041377	Trần Châu	Giang	06/07/1998	NN-16-Đ		
22	300094	16040867	Lương Ngân	Hà	19/08/1998	NN-16-Ph		
23	300095	16041778	Ngô Dương Thu	Hà	01/04/1998	NN-16-HQ		
24	300096	16042419	Nguyễn Thị Khánh	Hà	27/02/1998	NN-16-Đ		

Danh sách này có: sinh viên

Số dự thi:

Số bài thi:

CBCT:.....

CB chấm thi:..... HN, ngày 20 tháng 3 năm 2017

Người ghi điểm:

**TL. HIỆU TRƯỞNG
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG THI**

**ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI NGỮ**

**Ngô Minh Thủy
DANH SÁCH & KẾT QUẢ THI
KÌ THI SÁT HẠCH TRÌNH ĐỘ TIẾNG ANH Bậc 2
ĐIỂM THI SỐ 2**

Môn thi: Tiếng Anh

(NHÀ A2, Tầng 5 đến 8- ĐẠI HỌC NGOẠI NGỮ)

Đối tượng: Sinh viên Trường ĐHNN

Phòng: 36 (P.512 Nhà A2)

Ngày thi: 19 tháng 3 năm 2017

STT	SBD	MÃ SỐ SV	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	Trường Khoa	CHỮ KÝ	ĐIỂM (BẢNG SỐ)	Đạt trình độ
-----	-----	----------	-----------	--------------	----------------	--------	-------------------	-----------------

1	300097	16042012	Tạ Thu	Hà	07/10/1998	NN-16-Nh			
2	300098	16041378	Trương Thị Thu	Hà	26/01/1998	NN-16-Đ			
3	300099	16041129	Vũ Thu	Hà	22/05/1998	NN-16-TQ			
4	300100	16042742	Hoàng Vũ	Hải	25/06/1998	NN-16-TQ			
5	300101	16041457	Nguyễn Quang	Hải	11/01/1998	NN-16-Đ			
6	300102	16041783	Vũ Thị	Hải	22/08/1997	NN-16-HQ			
7	300103	16041239	Hạ Thị Mỹ	Hạnh	21/04/1998	NN-16-TQ			
8	300104	16042728	Nguyễn Hồng	Hạnh	02/03/1998	NN-16-TQ			
9	300105	16041788	Vũ Hồng	Hạnh	31/12/1998	NN-16-HQ			
10	300106	16041791	Nguyễn Mạnh	Hào	21/06/1998	NN-16-HQ			
11	300107	16042729	Bùi Thị Thu	Hằng	25/10/1998	NN-16-TQ			
12	300108	16041681	Nguyễn Bích	Hằng	09/11/1998	NN-16-Nh			
13	300109	16041064	Nguyễn Bích	Hằng	03/09/1998	NN-16-TQ			
14	300110	16041299	Nguyễn Ngọc Thúy	Hằng	02/08/1998	NN-16-Ng			
15	300111	16041046	Nguyễn Thị Minh	Hằng	12/04/1998	NN-16-TQ			
16	300112	16041786	Nguyễn Thu	Hằng	01/01/1998	NN-16-HQ			
17	300113	16041785	Phạm Thúy	Hằng	18/07/1998	NN-16-HQ			
18	300114	16040873	Tạ Thị	Hằng	17/10/1998	NN-16-Ph			
19	300115	16041550	Trần Thị Thanh	Hằng	16/05/1998	NN-16-Nh			
20	300116	16041911	Triệu Thị Thanh	Hằng	09/05/1998	NN-16-AR			
21	300117	16041326	Đinh Thị Ngọc	Hân	10/07/1998	NN-16-Ng			
22	300118	16041095	Phạm Bùi Gia	Hân	09/04/1998	NN-16-TQ			
23	300119	16040879	Đặng Thúy	Hiền	14/08/1998	NN-16-Ph			
24	300120	16042692	Hoàng Thu	Hiền	18/11/1998	NN-16-TQ			

Danh sách này có: sinh viên
 CBCT:.....
 Người ghi điểm:

Số dự thi:

CB chấm thi:.....

Số bài thi:

HN, ngày 20 tháng 3 năm 2017

TL. HIỆU TRƯỞNG
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG THI

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI NGỮ

Môn thi: Tiếng Anh

Đối tượng: Sinh viên Trường ĐHNH

Ngày thi: 19 tháng 3 năm 2017

Ngô Minh Thủy
DANH SÁCH & KẾT QUẢ THI
KÌ THI SÁT HẠCH TRÌNH ĐỘ TIẾNG ANH Bậc 2
ĐIỂM THI SỐ 2
(NHÀ A2, Tầng 5 đến 8- ĐẠI HỌC NGOẠI NGỮ)
Phòng: 37 (P.601 Nhà A2)

STT	SBD	MÃ SỐ SV	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	Trường Khoa	CHỮ KÝ	ĐIỂM (BẢNG SỐ)	Đạt trình độ
1	300121	16041682	Nguyễn Thị Thu	Hiền	22/08/1998	NN-16-Nh		

2	300122	16041552	Phạm Thúy	Hiền	02/06/1998	NN-16-Nh			
3	300123	16041382	Cao Minh	Hiếu	21/08/1998	NN-16-Đ			
4	300124	16041012	Nguyễn Trung	Hiếu	22/10/1998	NN-16-TQ			
5	300125	16041646	Trịnh Bá Bảo	Hiếu	26/05/1998	NN-16-Nh			
6	300126	16041035	Vũ Hoàng	Hiếu	20/03/1998	NN-16-TQ			
7	300127	16041135	Bùi Kim	Hoa	13/08/1998	NN-16-TQ			
8	300128	16041190	Hoàng Thị Kiều	Hoa	05/08/1995	NN-16-TQ			
9	300129	16042752	Lê Mỹ	Hoa	07/12/1997	NN-16-TQ			
10	300130	16041242	Nguyễn Thị Yến	Hoa	10/02/1998	NN-16-TQ			
11	300131	16041600	Vũ Thị	Hoa	04/10/1998	NN-16-Nh			
12	300132	16041066	Bùi Thị	Hòa	16/05/1998	NN-16-TQ			
13	300133	16041136	Bá Thanh	Hoài	29/01/1998	NN-16-TQ			
14	300134	16040885	Đỗ Thị Thu	Hoàn	16/03/1998	NN-16-Ph			
15	300135	16040886	Phạm Minh	Hoàng	15/04/1998	NN-16-Ph			
16	300136	16042594	Hoàng Thị	Hồng	04/02/1998	NN-16-Nh			
17	300137	16041423	Lại Minh	Hồng	11/09/1998	NN-16-Đ			
18	300138	16041137	Vũ Thị	Hồng	22/06/1998	NN-16-TQ			
19	300139	16040887	Trần Minh	Huệ	19/09/1997	NN-16-Ph			
20	300140	16042698	Trần Mạnh	Hùng	15/11/1998	NN-16-TQ			
21	300141	16042767	Đào Quang	Huy	10/10/1998	NN-16-TQ			
22	300142	16042432	Nguyễn Quốc	Huy	01/06/1998	NN-16-Đ			
23	300143	16041603	Trần Đức	Huy	12/07/1998	NN-16-Nh			
24	300144	16042717	Trần Đức	Huy	23/09/1997	NN-16-TQ			

Danh sách này có: sinh viên

Số dự thi:

Số bài thi:

CBCT:.....

CB chấm thi:.....

HN, ngày 20 tháng 3 năm 2017

Người ghi điểm:

TL. HIỆU TRƯỞNG
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG THI

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI NGỮ

Ngô Minh Thủy
DANH SÁCH & KẾT QUẢ THI
KÌ THI SÁT HẠCH TRÌNH ĐỘ TIẾNG ANH Bậc 2
ĐIỂM THI SỐ 2

Môn thi: Tiếng Anh

(NHÀ A2, Tầng 5 đến 8- ĐẠI HỌC NGOẠI NGỮ)

Đối tượng: Sinh viên Trường ĐHNH

Phòng: 38 (P.602 Nhà A2)

Ngày thi: 19 tháng 3 năm 2017

STT	SBD	MÃ SỐ SV	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	Trường Khoa	CHỮ KÝ	ĐIỂM (BẢNG SỐ)	Đạt trình độ
1	300145	16042762	Trần Thị Huyền	24/08/1997	NN-16-TQ			
2	300146	16042524	Đỗ Ngọc Huyền	05/09/1998	NN-16-HQ			

3	300147	16042508	Hà Hạnh	Huyền	03/10/1998	NN-16-HQ			
4	300148	16041016	Mùng Thị Thu	Huyền	23/02/1997	NN-16-TQ			
5	300149	16041015	Ngô Khánh	Huyền	28/08/1998	NN-16-TQ			
6	300150	16041557	Nguyễn Khánh	Huyền	03/01/1998	NN-16-Nh			
7	300151	16041355	Nguyễn Ngọc	Huyền	16/05/1998	NN-16-Ng			
8	300152	16042916	Nguyễn Thị	Huyền	15/06/1998	NN-16-HQ			
9	300153	16041139	Nguyễn Thị	Huyền	14/06/1998	NN-16-TQ			
10	300155	16041801	Nguyễn Thị Thanh	Huyền	02/08/1998	NN-16-HQ			
11	300154	16042642	Nguyễn Thị Thanh	Huyền	05/09/1998	NN-16-Ph			
12	300156	16042792	Phạm Ngọc	Huyền	12/05/1998	NN-16-TQ			
13	300157	16041247	Phạm Thị	Huyền	16/09/1998	NN-16-TQ			
14	300158	16041067	Phạm Thị Khánh	Huyền	25/08/1998	NN-16-TQ			
15	300159	16041099	Trần Thanh	Huyền	28/01/1998	NN-16-TQ			
16	300160	16041462	Đàm Thị	Hương	09/10/1998	NN-16-Đ			
17	300161	16041138	Đặng Thanh	Hương	12/07/1998	NN-16-TQ			
18	300162	16041798	Hà Minh	Hương	15/12/1998	NN-16-HQ			
19	300163	16041797	Mạc Thu	Hương	10/08/1998	NN-16-HQ			
20	300164	16041795	Nguyễn Thị	Hương	18/03/1998	NN-16-HQ			
21	300165	16042645	Nguyễn Thị Thu	Hương	11/01/1997	NN-16-Ph			
22	300166	16042760	Nguyễn Trần Lan	Hương	28/10/1998	NN-16-TQ			
23	300167	16041098	Trần Thị Lan	Hương	20/11/1998	NN-16-TQ			
24	300168	16041555	Nguyễn Thị	Hường	23/09/1998	NN-16-Nh			

Danh sách này có: sinh viên

Số dự thi:

Số bài thi:

CBCT:.....

CB chấm thi:..... HN, ngày 20 tháng 3 năm 2017

Người ghi điểm:

**TL. HIỆU TRƯỞNG
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG THI**

**ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI NGỮ**

Ngô Minh Thủy
DANH SÁCH & KẾT QUẢ THI
KÌ THI SÁT HẠCH TRÌNH ĐỘ TIẾNG ANH Bậc 2
ĐIỂM THI SỐ 2

Môn thi: Tiếng Anh

(NHÀ A2, Tầng 5 đến 8- ĐẠI HỌC NGOẠI NGỮ)

Đối tượng: Sinh viên Trường ĐHNH

Phòng: 39 (P.603 Nhà A2)

Ngày thi: 19 tháng 3 năm 2017

STT	SBD	MÃ SỐ SV	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	Trường Khoa	CHỮ KÝ	ĐIỂM (BẢNG SỐ)	Đạt trình độ
1	300169	16041602	Nguyễn Thị Thu	Hường	25/01/1998	NN-16-Nh		
2	300170	16041069	Đặng Trung	Kiên	31/07/1998	NN-16-TQ		
3	300171	16041195	Hồ Thị Thanh	Lam	27/07/1998	NN-16-TQ		

4	300172	16041425	Vũ Giang	Lam	08/08/1997	NN-16-Đ			
5	300173	16041807	Đặng Hoa	Lan	20/08/1998	NN-16-HQ			
6	300174	16041510	Đinh Thị	Lan	02/03/1998	NN-16-Nh			
7	300175	16041808	Nguyễn Thị	Lan	06/05/1998	NN-16-HQ			
8	300176	16041141	Nguyễn Thị Hương	Lan	22/08/1998	NN-16-TQ			
9	300177	16041196	Phương Thị	Lan	12/12/1998	NN-16-TQ			
10	300178	16041806	Nguyễn Xuân	Lâm	11/10/1997	NN-16-HQ			
11	300179	16040895	Vũ Thị	Lê	11/10/1998	NN-16-Ph			
12	300180	16041144	Dương Thị	Linh	12/10/1998	NN-16-TQ			
13	300181	16041143	Đào Thị Diệu	Linh	10/12/1998	NN-16-TQ			
14	300182	16041047	Đặng Ngọc Thùy	Linh	21/01/1998	NN-16-TQ			
15	300183	16042469	Đỗ Thủy	Linh	26/01/1998	NN-16-Đ			
16	300184	16041814	Đỗ Trang	Linh	21/07/1998	NN-16-HQ			
17	300185	16042802	Kiều Phương	Linh	01/08/1998	NN-16-TQ			
18	300186	16042606	Lê Kiều Phương	Linh	24/12/1998	NN-16-Nh			
19	300187	16041429	Lê Khánh	Linh	20/10/1998	NN-16-Đ			
20	300188	16041822	Lê Thùy	Linh	06/08/1998	NN-16-HQ			
21	300189	16041810	Ngô Thị	Linh	27/10/1998	NN-16-HQ			
22	300190	16041335	Nguyễn Hương	Linh	30/06/1998	NN-16-Ng			
23	300191	16041357	Nguyễn Khánh	Linh	23/06/1998	NN-16-Ng			
24	300192	16040903	Nguyễn Mỹ	Linh	17/02/1998	NN-16-Ph			

Danh sách này có: sinh viên

Số dự thi:

Số bài thi:

CBCT:.....

CB chấm thi:.....

HN, ngày 20 tháng 3 năm 2017

Người ghi điểm:

TL. HIỆU TRƯỞNG
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG THI

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI NGỮ

Ngô Minh Thủy
DANH SÁCH & KẾT QUẢ THI
KÌ THI SÁT HẠCH TRÌNH ĐỘ TIẾNG ANH Bậc 2
ĐIỂM THI SỐ 2

Môn thi: Tiếng Anh

(NHÀ A2, Tầng 5 đến 8- ĐẠI HỌC NGOẠI NGỮ)

Đối tượng: Sinh viên Trường ĐHN

Phòng: 40 (P.604 Nhà A2)

Ngày thi: 19 tháng 3 năm 2017

STT	SBD	MÃ SỐ SV	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	Trường Khoa	CHỮ KÝ	ĐIỂM (BẢNG SỐ)	Đạt trình độ
1	300193	16041699	Nguyễn Phương Linh	02/11/1998	NN-16-Nh			
2	300194	16041608	Nguyễn Thạch Linh	31/01/1998	NN-16-Nh			
3	300195	16041511	Nguyễn Thị Ngọc Linh	21/05/1998	NN-16-Nh			
4	300196	16041813	Nguyễn Thùy Linh	05/08/1998	NN-16-HQ			

5	300198	16041821	Nguyễn Thùy	Linh	18/10/1997	NN-16-HQ			
6	300197	16041730	Nguyễn Thùy	Linh	20/04/1998	NN-16-Nh			
7	300199	16040900	Nguyễn Vi	Linh	04/11/1996	NN-16-Nh			
8	300200	16040904	Nguyễn Yến	Linh	04/08/1998	NN-16-Ph			
9	300201	16041652	Phạm Mai	Linh	24/02/1998	NN-16-Nh			
10	300202	16041654	Trần Hải	Linh	04/09/1998	NN-16-Nh			
11	300203	16041468	Trần Mỹ	Linh	29/03/1998	NN-16-Đ			
12	300204	16041197	Trần Nguyễn Ngọc	Linh	29/12/1998	NN-16-TQ			
13	300205	16041387	Trần Quang	Linh	16/09/1998	NN-16-Nh			
14	300206	16041253	Trần Thùy	Linh	15/06/1998	NN-16-TQ			
15	300207	16042710	Trương Thúy	Linh	08/03/1998	NN-16-TQ			
16	300208	16041428	Vi Thị Thùy	Linh	09/01/1998	NN-16-Đ			
17	300209	16042775	Vũ Hà Phương	Linh	21/11/1998	NN-16-TQ			
18	300210	16041466	Vũ Nhật	Linh	22/03/1998	NN-16-Đ			
19	300211	16041252	Vũ Thị Hoài	Linh	30/06/1998	NN-16-TQ			
20	300212	16042514	Kiều Thúy	Loan	05/05/1998	NN-16-HQ			
21	300213	16042577	Lê Kiều	Loan	25/08/1998	NN-16-Nh			
22	300214	16041390	Đặng Hiền	Lương	07/02/1998	NN-16-Đ			
23	300215	16041018	Nguyễn Lâm Phương	Lương	12/03/1997	NN-16-TQ			
24	300216	16041071	Bùi Hương	Ly	14/09/1998	NN-16-TQ			

Danh sách này có: sinh viên

Số dự thi:

Số bài thi:

CBCT:.....

CB chấm thi:..... HN, ngày 20 tháng 3 năm 2017

Người ghi điểm:

**TL. HIỆU TRƯỞNG
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG THI**

**ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI NGỮ**

Ngô Minh Thủy
DANH SÁCH & KẾT QUẢ THI
KÌ THI SÁT HẠCH TRÌNH ĐỘ TIẾNG ANH Bậc 2
ĐIỂM THI SỐ 2

Môn thi: Tiếng Anh

(NHÀ A2, Tầng 5 đến 8- ĐẠI HỌC NGOẠI NGỮ)

Đối tượng: Sinh viên Trường ĐHNH

Phòng: 41 (P.606 Nhà A2)

Ngày thi: 19 tháng 3 năm 2017

STT	SBD	MÃ SỐ SV	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	Trường Khoa	CHỮ KÝ	ĐIỂM (BẢNG SỐ)	Đạt trình độ
1	300217	16041514	Nguyễn Diễm Thủy	Ly	11/07/1998	NN-16-Nh		
2	300219	16041562	Nguyễn Hương	Ly	12/08/1998	NN-16-Nh		
3	300218	16040911	Nguyễn Hương	Ly	23/08/1998	NN-16-Ph		
4	300220	16041391	Nguyễn Thảo	Ly	03/01/1998	NN-16-Đ		
5	300221	16042454	Trần	Ly	04/10/1998	NN-16-Đ		

6	300222	16041145	Trung Khánh	Ly	16/06/1998	NN-16-TQ			
7	300223	15042827	Dương Thị Ngọc	Mai	08/10/2017	NN-16-TQ			
8	300224	16042803	Đặng Thị	Mai	20/10/1998	NN-16-TQ			
9	300225	16042456	Lê Thị Phương	Mai	09/02/1998	NN-16-Đ			
10	300226	16041969	Nguyễn Ngọc	Mai	30/04/1998	NN-16-Nh			
11	300227	16042416	Nguyễn Thị	Mai	06/07/1998	NN-16-Đ			
12	300228	16042757	Nguyễn Thị Ngọc	Mai	22/04/1998	NN-16-TQ			
13	300229	16041471	Đinh Thị Hồng	Minh	03/01/1998	NN-16-Đ			
14	300230	16040917	Lê Tuấn	Minh	10/05/1998	NN-16-Ph			
15	300231	16042718	Phạm Thị	Mơ	03/09/1997	NN-16-TQ			
16	300232	16040919	Đỗ Trà	My	21/01/1998	NN-16-Ph			
17	300233	16042722	Hoàng Tra	My	18/05/1998	NN-16-TQ			
18	300234	16042583	Lê Ngọc	My	03/10/1998	NN-16-Nh			
19	300235	16040920	Nguyễn Thảo	My	29/04/1998	NN-16-Ph			
20	300236	16041073	Nguyễn Thị Chà	My	19/12/1998	NN-16-TQ			
21	300237	16042779	Nguyễn Thị Thúy	My	13/03/1997	NN-16-TQ			
22	300238	16041517	Nguyễn Thị Trà	My	01/09/1998	NN-16-Nh			
23	300239	16042721	Nguyễn Trà	My	15/10/2017	NN-16-TQ			
24	300240	16042723	Đào Thị	My	26/01/1998	NN-16-TQ			

Danh sách này có: sinh viên

Số dự thi:

Số bài thi:

CBCT:.....

CB chấm thi:..... HN, ngày 20 tháng 3 năm 2017

Người ghi điểm:

**TL. HIỆU TRƯỞNG
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG THI**

**ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI NGỮ**

Ngô Minh Thủy
DANH SÁCH & KẾT QUẢ THI
KÌ THI SÁT HẠCH TRÌNH ĐỘ TIẾNG ANH Bậc 2
ĐIỂM THI SỐ 2

Môn thi: Tiếng Anh

(NHÀ A2, Tầng 5 đến 8- ĐẠI HỌC NGOẠI NGỮ)

Đối tượng: Sinh viên Trường ĐHNH

Phòng: 42 (P.607 Nhà A2)

Ngày thi: 19 tháng 3 năm 2017

STT	SBD	MÃ SỐ SV	HỌ VÀ TÊN		NGÀY SINH	Trường Khoa	CHỮ KÝ	ĐIỂM (BẢNG SỐ)	Đạt trình độ
1	300241	16041833	Hà Phương	Nam	04/08/1998	NN-16-HQ			
2	300242	16042693	Vũ Quang	Nam	25/06/1998	NN-16-TQ			
3	300243	16040921	Vũ Thành	Nam	25/06/1998	NN-16-Ph			
4	300244	16042701	Lăng Thị Khánh	Ninh	18/04/1998	NN-16-TQ			
5	300245	16041437	Ngô Thị Ánh	Ninh	17/02/1998	NN-16-Đ			
6	300246	16042657	Tô Quang	Ninh	24/03/1998	NN-16-TQ			

7	300247	16041612	Bùi Thị Thúy	Nga	30/06/1998	NN-16-Nh			
8	300248	15041855	Hồ Thị Hằng	Nga	23/04/1997	NN-15-Ng			
9	300249	16041040	Nguyễn Thị	Nga	20/05/1998	NN-16-TQ			
10	300250	16042045	Trần Thuý	Nga	12/05/1997	NN-16-HQ			
11	300251	16042697	Hoàng Thị Kim	Ngân	24/11/1998	NN-16-TQ			
12	300252	16041659	Kiều Băng	Ngân	10/04/1998	NN-16-Nh			
13	300253	16040928	Bùi Kao Trung	Nghĩa	03/05/1998	NN-16-Ph			
14	300254	16042651	Bùi Quốc	Nghĩa	19/03/1998	NN-16-TQ			
15	300255	16042736	Nguyễn Đức	Nghĩa	21/01/1998	NN-16-TQ			
16	300256	16041075	Nguyễn Ngọc	Nghĩa	06/09/1998	NN-16-TQ			
17	300257	16041434	Đào Kim	Ngọc	17/02/1998	NN-16-Đ			
18	300258	16042702	Đoàn Thị	Ngọc	24/11/1998	NN-16-TQ			
19	300259	16042785	Đỗ Lam	Ngọc	12/10/1998	NN-16-TQ			
20	300260	16042058	Hoàng Hồng	Ngọc	04/10/1996	NN-16-Nh			
21	300261	16041840	Nguyễn Hồng	Ngọc	24/06/1998	NN-16-HQ			
22	300262	16041567	Nguyễn Lan	Ngọc	09/12/1998	NN-16-Nh			
23	300263	16042438	Nguyễn Thị	Ngọc	05/05/1998	NN-16-Đ			
24	300264	16042439	Nguyễn Thị	Ngọc	30/01/1998	NN-16-Đ			

Danh sách này có: sinh viên

Số dự thi:

Số bài thi:

CBCT:.....

CB chấm thi:..... HN, ngày 20 tháng 3 năm 2017

Người ghi điểm:

**TL. HIỆU TRƯỞNG
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG THI**

**ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI NGỮ**

**Ngô Minh Thủy
DANH SÁCH & KẾT QUẢ THI
KÌ THI SÁT HẠCH TRÌNH ĐỘ TIẾNG ANH Bậc 2**

ĐIỂM THI SỐ 2

(NHÀ A2, Tầng 5 đến 8- ĐẠI HỌC NGOẠI NGỮ)

Phòng: 43 (P.608 Nhà A2)

Môn thi: Tiếng Anh

Đối tượng: Sinh viên Trường ĐHNN

Ngày thi: 19 tháng 3 năm 2017

STT	SBD	MÃ SỐ SV	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	Trường Khoa	CHỮ KÝ	ĐIỂM (BẢNG SỐ)	Đạt trình độ
1	300265	16041473	Nguyễn Thị Bích	Ngọc	28/12/1998	NN-16-Đ		
2	300266	16042400	Nguyễn Thị Như	Ngọc	16/03/1998	NN-16-Đ		
3	300267	16041148	Phạm Minh	Ngọc	27/01/1998	NN-16-TQ		
4	300268	16041204	Phùng Thị	Ngọc	24/02/1998	NN-16-TQ		
5	300269	16041661	Hoàng Khôi	Nguyễn	16/07/1998	NN-16-Nh		
6	300270	16041205	Bùi Thị Ánh	Nguyệt	30/10/1998	NN-16-TQ		
7	300271	16041259	Nguyễn Minh	Nguyệt	05/02/1998	NN-16-TQ		

8	300272	16041741	Trịnh Thu	Nguyệt	21/10/1998	NN-16-Nh			
9	300273	16041843	Vũ Minh	Nguyệt	12/10/1997	NN-16-HQ			
10	300274	16041844	Bùi Thị Thanh	Nhàn	13/06/1998	NN-16-HQ			
11	300275	16041998	Trần Thanh	Nhàn	12/02/1998	NN-16-TQ			
12	300276	16042402	Vương Hồng	Nhật	24/09/1998	NN-16-Đ			
13	300277	16041396	Doãn Yên	Nhi	11/01/1998	NN-16-Đ			
14	300278	16041846	Mai Phương	Nhi	04/01/1998	NN-16-HQ			
15	300279	16041615	Trần Thị	Nhi	02/03/1998	NN-16-Nh			
16	300280	16042704	Đào Thị	Nhinh	21/05/1997	NN-16-TQ			
17	300281	16041849	Hoàng Phương	Nhung	30/09/1997	NN-16-HQ			
18	300282	16041663	Ngô Thị Hồng	Nhung	24/12/1998	NN-16-Nh			
19	300283	16041208	Nguyễn Hồng	Nhung	28/04/1998	NN-16-TQ			
20	300284	16041957	Phạm Thị Hồng	Nhung	13/12/1998	NN-16-Nh			
21	300285	16042049	Phan Dương Hồng	Nhung	05/12/1997	NN-16-Nh			
22	300286	16041475	Phan Thị	Như	09/11/1998	NN-16-Đ			
23	300287	16041522	Lê Thị Kim	Oanh	18/09/1998	NN-16-Nh			
24	300288	16042653	Ngô Thị	Phúc	22/07/1998	NN-16-TQ			

Danh sách này có: sinh viên

Số dự thi:

Số bài thi:

CBCT:.....

CB chấm thi:..... HN, ngày 20 tháng 3 năm 2017

Người ghi điểm:

**TL. HIỆU TRƯỞNG
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG THI**

**ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI NGỮ**

**Ngô Minh Thủy
DANH SÁCH & KẾT QUẢ THI
KÌ THI SÁT HẠCH TRÌNH ĐỘ TIẾNG ANH Bậc 2**

ĐIỂM THI SỐ 2

(NHÀ A2, Tầng 5 đến 8- ĐẠI HỌC NGOẠI NGỮ)

Phòng: 44 (P.610 Nhà A2)

Môn thi: Tiếng Anh

Đối tượng: Sinh viên Trường ĐHNH

Ngày thi: 19 tháng 3 năm 2017

Trang số 1

STT	SBD	MÃ SỐ SV	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	Trường Khoa	CHỮ KÝ	ĐIỂM (BẢNG SỐ)	Đạt trình độ
1	300289	16042654	Bùi Ngọc	Phương	27/03/1997	NN-16-TQ		
2	300290	16040949	Cao Hoàng Ngân	Phương	28/12/1998	NN-16-Ph		
3	300291	16041476	Đào Thị Thu	Phương	09/05/1998	NN-16-Đ		
4	300292	16041153	Đặng Thu	Phương	06/12/1998	NN-16-TQ		
5	300293	16041920	Lê Hà	Phương	08/09/1998	NN-16-AR		
6	300294	16041109	Lê Thị Bích	Phương	15/11/1998	NN-16-TQ		
7	300295	16041858	Lê Thu	Phương	08/10/1998	NN-16-HQ		

Danh sách này có: sinh viên
CBCT:.....
Người ghi điểm:

Số dự thi:
Số bài thi:
Hà Nội, ngày tháng năm 2017

TL. HIỆU TRƯỞNG
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG THI

Ngô Minh Thủy

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI NGỮ

DANH SÁCH & KẾT QUẢ THI
KÌ THI SÁT HẠCH TRÌNH ĐỘ TIẾNG ANH Bậc 2
ĐIỂM THI SỐ 2

Môn thi: Tiếng Anh

Đối tượng: Sinh viên Trường ĐHNH

Ngày thi: 19 tháng 3 năm 2017

(NHÀ A2, Tầng 5 đến 8- ĐẠI HỌC NGOẠI NGỮ)

Phòng: 45 (P.611 Nhà A2)

Trang số 1

STT	SBD	MÃ SỐ SV	HỌ VÀ TÊN		NGÀY SINH	Trường Khoa	CHỮ KÝ	ĐIỂM (BẢNG SỐ)	Đạt trình độ
1	300329	16041953	Phan Minh	Tiến	26/11/1998	NN-16-TQ			
2	300330	16042745	Vũ Thị	Tính	30/04/1998	NN-16-TQ			
3	300331	16041167	Lương Cẩm	Tú	05/09/1998	NN-16-TQ			
4	300332	16041674	Nguyễn Anh	Tú	08/12/1998	NN-16-Nh			
5	300333	16041627	Nguyễn Lê Duy	Tú	27/03/1998	NN-16-Nh			
6	300334	16042609	Trần Lê Cẩm	Tú	21/03/1998	NN-16-Nh			
7	300335	16041408	Nguyễn Trí Thanh	Tùng	08/11/1998	NN-16-Đ			
8	300336	16041486	Vũ Sơn	Tùng	19/02/1998	NN-16-Đ			
9	300337	16042614	Trần Thị	Tuyến	14/07/1998	NN-16-Nh			

10	300338	16041115	Nguyễn Thị	Tuyết	03/06/1998	NN-16-TQ			
11	300339	16042732	Đặng Thị Hạ	Thạch	21/09/1997	NN-16-TQ			
12	300340	16041340	Lê Hồng	Thái	04/04/1998	NN-16-Ng			
13	300341	16041442	Nguyễn Quý	Thanh	10/12/1998	NN-16-Đ			
14	300342	16041622	Phạm Thị Minh	Thanh	09/02/1998	NN-16-Nh			
15	300343	16040955	Vũ Hồng	Thanh	25/11/1998	NN-16-Ph			
16	300344	16040957	Hoàng Quốc	Thành	01/07/1998	NN-16-Ph			
17	300345	16041158	Nguyễn Trung	Thành	30/06/1998	NN-16-TQ			
18	300346	16041481	Trần Hán	Thành	28/07/1998	NN-16-Đ			
19	300347	16042529	Bùi Thị Hiền	Thảo	01/11/1998	NN-16-HQ			
20	300348	16041161	Bùi Thị Phương	Thảo	30/10/1998	NN-16-TQ			
21	300349	16041866	Hoàng Lê Thanh	Thảo	30/12/1998	NN-16-HQ			
22	300350	16042562	Hoàng Phương	Thảo	12/03/1998	NN-16-Nh			
23	300351	16041864	Hồ Hương	Thảo	25/03/1998	NN-16-HQ			
24	300352	16040962	Nguyễn Hương	Thảo	04/10/1998	NN-16-Ph			
25	300353	16041159	Nguyễn Phương	Thảo	20/02/1998	NN-16-TQ			
26	300354	16041214	Nguyễn Thị	Thảo	16/08/1998	NN-16-TQ			
27	300357	16041862	Nguyễn Thị Phương	Thảo	27/05/1998	NN-16-HQ			
28	300355	16042686	Nguyễn Thị Phương	Thảo	16/08/1998	NN-16-TQ			
29	300356	16041079	Nguyễn Thị Phương	Thảo	20/08/1998	NN-16-TQ			
30	300358	16041443	Trần Phương	Thảo	18/07/1998	NN-16-Đ			

Môn thi: Tiếng Anh

Đối tượng: Sinh viên Trường ĐHNN

Ngày thi: 19 tháng 3 năm 2017

Phòng: 45 (P.611 Nhà A2)

Trang số 2

STT	SBD	MÃ SỐ SV	HỌ VÀ TÊN		NGÀY SINH	Trường Khoa	CHỮ KÝ	ĐIỂM (BẢNG SỐ)	Đạt trình độ
31	300359	16041160	Trần Thị Phương	Thảo	12/08/1998	NN-16-TQ			
32	300360	16041402	Ninh Anh	Thắng	01/02/1998	NN-16-Đ			
33	300361	15040979	Nguyễn Hữu	Thắng	02/11/1997	NN-16-Đ			
34	300362	16041527	Nguyễn Ngọc	Thắng	08/01/1998	NN-16-Nh			
35	300363	16041708	Hoàng Tiến	Thịnh	12/01/1998	NN-16-Nh			
36	300364	16041271	Nhâm Sỹ	Thịnh	05/02/1998	NN-16-TQ			
37	300365	16042689	Trần Thị	Thom	25/03/1998	NN-16-TQ			
38	300366	16041624	Nguyễn Hà	Thu	12/07/1998	NN-16-Nh			
39	300367	16040964	Nguyễn Minh	Thu	02/07/1997	NN-16-Ph			
40	300368	16041163	Nguyễn Minh	Thu	02/09/1998	NN-16-TQ			

Danh sách này có: sinh viên

Số dự thi:

Số bài thi:

CBCT:.....

CB chấm thi:..... Hà Nội, ngày tháng năm 2017

Người ghi điểm:

**TL. HIỆU TRƯỞNG
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG THI**

Ngô Minh Thủy

**ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI NGỮ**

**DANH SÁCH & KẾT QUẢ THI
KÌ THI SÁT HẠCH TRÌNH ĐỘ TIẾNG ANH Bậc 2**

ĐIỂM THI SỐ 2

(NHÀ A2, Tầng 5 đến 8- ĐẠI HỌC NGOẠI NGỮ)

Phòng: 46 (P.701 Nhà A2)

Môn thi: Tiếng Anh

Đối tượng: Sinh viên Trường ĐHNN

Ngày thi: 19 tháng 3 năm 2017

STT	SBD	MÃ SỐ SV	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	Trường Khoa	CHỮ KÝ	ĐIỂM (BẢNG SỐ)	Đạt trình độ
1	300369	16041869	Nguyễn thị Xuân Thu	07/03/1998	NN-16-HQ			
2	300370	16041670	Vũ Hoài Thu	01/10/1998	NN-16-Nh			
3	300371	16041922	Vương Thị Thu	01/06/1998	NN-16-AR			
4	300372	16041274	Võ Thị Thuý	08/11/1998	NN-15-TQ			
5	300373	16041925	Trần Thị Minh Thủy	29/06/1998	NN-16-AR			
6	300374	16041578	Đỗ Thị Thu Thủy	29/04/1998	NN-16-Nh			
7	300375	16041926	Hoàng Thị Thủy	19/02/1998	NN-16-AR			
8	300376	16042044	Hoàng Thu Thủy	29/12/1997	NN-16-HQ			
9	300377	16041342	Phan Thị Thu Thủy	16/08/1998	NN-16-Ng			
10	300378	16041875	Trần Thị Thu Thủy	15/07/1998	NN-16-HQ			
11	300379	16042527	Trần Thị Thu Thủy	23/10/1997	NN-16-HQ			
12	300380	16041870	Bùi Thị Anh Thu	22/09/1998	NN-16-HQ			

13	300381	16042691	Lưu Thị Mến	Thương	02/05/1998	NN-16-TQ			
14	300382	16042605	Nguyễn Thị	Thương	20/10/1998	NN-16-Nh			
15	300383	16041399	Nguyễn Thị Hoài	Thương	07/02/1998	NN-16-Đ			
16	300384	16042039	Trần Thị	Thương	20/03/1997	NN-16-HQ			
17	300385	16040968	Vũ Thị Thanh	Thương	10/09/1998	NN-16-Ph			
18	300386	16041878	Hồ Thị Thanh	Trà	21/01/1997	NN-16-HQ			
19	300387	16042782	Nguyễn Thu	Trà	03/11/1997	NN-16-TQ			
20	300388	16041885	Bùi Huyền	Trang	06/05/1998	NN-16-HQ			
21	300389	16041883	Bùi Thị Hà	Trang	21/05/1998	NN-16-HQ			
22	300390	16041725	Đào Thu	Trang	17/10/1998	NN-16-Nh			
23	300391	16041166	Đỗ Quỳnh	Trang	22/07/1998	NN-16-TQ			
24	300392	16042477	Đỗ Thị	Trang	23/12/1998	NN-16-Đ			

Danh sách này có: sinh viên

Số dự thi:

Số bài thi:

CBCT:.....

CB chấm thi:.....

HN, ngày 20 tháng 3 năm 2017

Người ghi điểm:

**TL. HIỆU TRƯỞNG
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG THI**

**ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI NGỮ**

**Ngô Minh Thủy
DANH SÁCH & KẾT QUẢ THI
KÌ THI SÁT HẠCH TRÌNH ĐỘ TIẾNG ANH Bậc 2**

ĐIỂM THI SỐ 2

(NHÀ A2, Tầng 5 đến 8- ĐẠI HỌC NGOẠI NGỮ)

Phòng: 47 (P.702 Nhà A2)

Môn thi: Tiếng Anh

Đối tượng: Sinh viên Trường ĐHNH

Ngày thi: 19 tháng 3 năm 2017

STT	SBD	MÃ SỐ SV	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	Trường Khoa	CHỮ KÝ	ĐIỂM (BẢNG SỐ)	Đạt trình độ
1	300393	16041958	Đỗ Thị Huyền	Trang	09/07/1998	NN-16-TQ		
2	300394	16042755	Giáp Thị Thu	Trang	13/12/1998	NN-16-TQ		
3	300395	16042766	Lê Huyền	Trang	25/09/1998	NN-16-TQ		
4	300396	16042590	Lê Thị Quỳnh	Trang	18/11/1998	NN-16-Nh		
5	300397	16041673	Lê Thu	Trang	18/02/1998	NN-16-Nh		
6	300398	16041886	Lục Kiều	Trang	30/11/1998	NN-16-HQ		
7	300399	16042047	Lương Thị Kiều	Trang	27/05/1997	NN-16-Nh		
8	300400	16040988	Mai Thị Thu	Trang	26/04/1998	NN-16-Ph		
9	300401	16041485	Nguyễn Mai	Trang	18/02/1998	NN-16-Đ		
10	300402	16040981	Nguyễn Minh	Trang	18/11/1998	NN-16-Ph		
11	300403	16040984	Nguyễn Thị Minh	Trang	03/12/1998	NN-16-Ph		
12	300404	16042794	Nguyễn Thị Quỳnh	Trang	23/08/1998	NN-16-TQ		
13	300405	16042530	Nguyễn Thị Thu	Trang	11/09/1997	NN-16-HQ		

14	300406	16041966	Nguyễn Thu	Trang	27/11/1998	NN-16-Đ			
15	300407	16041532	Phạm Thị	Trang	19/02/1998	NN-16-Nh			
16	300408	16041114	Trần Thị Thu	Trang	17/01/1998	NN-16-TQ			
17	300409	16041718	Trịnh Thị Huyền	Trang	03/11/1998	NN-16-Nh			
18	300410	16040986	Vũ Huyền	Trang	04/08/1998	NN-16-Ph			
19	300411	16041531	Vũ Thị	Trang	27/08/1998	NN-16-Nh			
20	300412	16041626	Vũ Thị Thùy	Trang	20/07/1998	NN-16-Nh			
21	300413	16041221	Dương Thị Quỳnh	Trâm	24/08/1998	NN-16-TQ			
22	300414	16041880	Nguyễn Ngọc	Trâm	18/03/1998	NN-16-HQ			
23	300415	16042761	Nguyễn Đức	Trung	13/10/1998	NN-16-TQ			
24	300416	16042699	Nguyễn Thu	Uyên	14/03/1998	NN-16-TQ			

Danh sách này có: sinh viên

Số dự thi:

Số bài thi:

CBCT:.....

CB chấm thi:..... HN, ngày 20 tháng 3 năm 2017

Người ghi điểm:

**TL. HIỆU TRƯỞNG
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG THI**

**ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI NGỮ**

Ngô Minh Thủy
DANH SÁCH & KẾT QUẢ THI
KÌ THI SÁT HẠCH TRÌNH ĐỘ TIẾNG ANH Bậc 2
ĐIỂM THI SỐ 2

Môn thi: Tiếng Anh

(NHÀ A2, Tầng 5 đến 8- ĐẠI HỌC NGOẠI NGỮ)

Đối tượng: Sinh viên Trường ĐHNN

Phòng: 48 (P.703 Nhà A2)

Ngày thi: 19 tháng 3 năm 2017

STT	SBD	MÃ SỐ SV	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	Trường Khoa	CHỮ KÝ	ĐIỂM (BẢNG SỐ)	Đạt trình độ
1	300417	16041629	Bùi Thanh Vân	26/06/1998	NN-16-Nh			
2	300418	16042489	Nguyễn Thị Vân	22/11/1997	NN-16-Đ			
3	300419	16041487	Nguyễn Thị Thanh Vân	29/11/1998	NN-16-Đ			
4	300420	16041927	Nguyễn Thị Thu vân	03/06/1998	NN-16-AR			
5	300421	16040995	Vũ Thị Hồng Vân	10/02/1998	NN-16-Ph			
6	300422	16041169	Lưu Thị Khánh Vi	26/01/1998	NN-16-TQ			
7	300423	16041535	Nguyễn Hà Vi	17/05/1998	NN-16-Nh			
8	300424	16041583	Đào Quốc Việt	07/06/1998	NN-16-Nh			
9	300425	16041488	Nguyễn Đức Việt	24/02/1996	NN-16-Đ			
10	300426	16041224	Phạm Văn Việt	10/04/1998	NN-16-TQ			
11	300427	16041677	Phạm Tuấn Vương	14/02/1998	NN-16-Nh			
12	300428	16041225	Dương Thảo Vy	22/08/1998	NN-16-TQ			
13	300429	16041631	Mai Thị Thúy Yên	23/10/1998	NN-16-Nh			
14	300430	16041731	Hoàng Thị Hoàng Yến	28/11/1998	NN-16-Nh			

17								
18								
19								
20								
21								
22								
23								
24								
25								
26								
27								
28								
29								
30								

Môn thi: Tiếng Anh

Đối tượng: Sinh viên Trường ĐHNN

Ngày thi: 19 tháng 3 năm 2017

Phòng: 52 (P.711 Nhà A2)

Trang số 2

STT	SBD	MÃ SỐ SV	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	Trường Khoa	CHỮ KÝ	ĐIỂM (BẢNG SỐ)	Đạt trình độ
31								
32								
33								
34								
35								
36								
37								
38								
39								
40								

Danh sách này có: sinh viên

Số dự thi:

Số bài thi:

CBCT:.....

CB chấm thi:..... Hà Nội, ngày tháng năm 2017

Người ghi điểm:

**TL. HIỆU TRƯỞNG
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG THI**

Ngô Minh Thủy

Danh sách này có: sinh viên
CBCT:.....
Người ghi điểm:

Số dự thi:
CB chấm thi:..... HN, ngày 20 tháng 3 năm 2017

Số bài thi:

TL. HIỆU TRƯỞNG
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG THI

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI NGỮ

Ngô Minh Thủy
DANH SÁCH & KẾT QUẢ THI
KÌ THI SÁT HẠCH TRÌNH ĐỘ TIẾNG ANH Bậc 2
ĐIỂM THI SỐ 2

(NHÀ A2, Tầng 5 đến 8- ĐẠI HỌC NGOẠI NGỮ)

Phòng: 59 (P.808 Nhà A2)

Môn thi: Tiếng Anh

Đối tượng: Sinh viên Trường ĐHNH

Ngày thi: 19 tháng 3 năm 2017

STT	SBD	MÃ SỐ SV	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	Trường Khoa	CHỮ KÝ	ĐIỂM (BẢNG SỐ)	Đạt trình độ
1								
2								
3								
4								
5								
6								
7								
8								
9								
10								
11								
12								
13								
14								
15								
16								
17								
18								
19								
20								
21								
22								
23								
24								

Danh sách này có: sinh viên

Số dự thi:

Số bài thi:

27								
28								
29								
30								
31								
32								

Môn thi: Tiếng Anh

Đối tượng: Sinh viên Trường ĐHNN

Phòng: 60 (P.811 Nhà A2)

Ngày thi: 19 tháng 3 năm 2017

Trang số 2

STT	SBD	MÃ SỐ SV	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	Trường Khoa	CHỮ KÝ	ĐIỂM (BẢNG SỐ)	Đạt trình độ
33								
34								
35								
36								
37								
38								
39								
40								
41								
42								
43								
44								
45								
46								
47								
48								
49								
50								
51								
52								
53								
54								
55								
56								
57								
58								
59								
60								

Danh sách này có: sinh viên

Số dự thi:

Số bài thi:

CBCT:.....

CB chấm thi:..... Hà Nội, ngày tháng năm 2017

Người ghi điểm:

TL. HIỆU TRƯỞNG

Ngô Minh Thủy